TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI LĂNG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS- ST
Ngày 08/5/2024
"*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thanh Khánh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Nam
Ông Trần Đình Hùng

Thư ký phiên toà*:* Ông Trần Ánh Phương, Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2023/TLST- DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B (Ngân hàng TMCP B); địa chỉ: LPBank Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường Tr, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Kim Ch - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Quyết định số 1657/2023/QĐ-LPB.QTR ngày 21/11/2023), có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L; đều trú tại: Khóm 6, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2022 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:

- Ngày 04/3/2022, Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Quảng Trị ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐHMTD56D20220044 với ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L, số tiền cấp tín dụng là 500.000.000đồng, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng, thời hạn vay là 06 tháng tháng, lãi suất 10,95%/năm cố định trong 03 tháng đầu tiên kể từ ngày nhận nợ, từ tháng thứ tư, lãi suất thả nổi và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm.

- Ngày 21/3/2023, Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Quảng Trị ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số HĐHMTD56D20230063 với ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L với số tiền cấp tín dụng là 500.000.000đồng, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng, thời hạn vay là 06 tháng tháng, lãi suất 10,95%/năm cố định trong 03 tháng đầu tiên kể từ ngày nhận nợ, từ tháng thứ tư, lãi suất thả nổi và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, giữa Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Quảng Trị và bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ph đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản sau: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 12 tại thôn Hội Yên, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 370443 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 07/01/2022 chuyển nhượng ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L, Số vào sổ cấp GCN: CS 00589.

Sau khi ký kết xong hợp đồng, ngày giải ngân 08/12/2022, Ngân hàng giải ngân cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L số tiền là 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng) và ngày 21/3/2023 Ngân hàng giải ngân cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L số tiền là 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng)

Tính đến ngày 08/5/2024, tổng dư nợ của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ph tại Ngân hàng TMCP B là: 337.084.019đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu không trăm tám mươi bốn nghìn không trăm mười chín đồng). Gồm nợ gốc là 249.986.973đồng; nợ lãi trong hạn 26.147.261đồng; nợ lãi quá hạn đồng 58.902.639đồng; nợ lãi chậm trả 2.047.146đồng.

Trong đó:

- Nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20220044/05, ngày giải ngân 08/12/2022 là: 148.026.993đồng. Gồm dư nợ gốc: 99.986.973đồng, nợ lãi trong hạn: 7.452.055đồng, nợ lãi quá hạn: 39.904.009đồng, nợ lãi chậm trả 683.956đồng.

- Nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20230063/01, ngày giải ngân 21/3/2023, là: 189.057.026đồng. Gồm dư nợ gốc: 150.000.000đồng, nợ lãi trong hạn: 18.695.206đồng, nợ lãi quá hạn: 18.998.630đồng, nợ lãi chậm trả 1.363.190đồng.

Ngân hàng TMCP B yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Ph phải trả hết số tiền còn nợ nói trên cho Ngân hàng. Trường hợp bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Ph không trả nợ hoặc trả không đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Ph vẫn phải tiếp tục trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Ph không đến Tòa án làm việc và cũng không nộp cho Tòa án bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 96, 97, 175, 177, 195, 196, 203, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 298, 299, 317, 318, 320, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 08/5/2024 là 337.084.019đồng. Gồm nợ gốc là 249.986.973đồng; nợ lãi trong hạn 26.147.261đồng; nợ lãi quá hạn đồng 58.902.639đồng; nợ lãi chậm trả 2.047.146đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L không trả hoặc trả không đủ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã được ký kết giữa các bên để thu hồi nợ.

Về án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, Toà án xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại khóm 6, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị nên Toà án nhân dân huyện H thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên, chỉ có nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực

hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về tính pháp lý của các hợp đồng: Các Hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐHMTD56D20220044 ký ngày 04/3/2022, Hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐHMTD56D20230063 ký ngày 21/3/2023; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20220044/05, ngày giải ngân 08/12/2022; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20230063/01, ngày giải ngân 21/3/2023 và Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn đều hợp pháp. Do đó, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung đã ký kết tại các hợp đồng.

[3.2]. Về nợ gốc: Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng TMCP B đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L đủ số tiền mà các bên đã ký kết. Tính đến ngày 08/5/2024, tổng số tiền gốc mà ông Ph, bà L còn nợ lại của 02 Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là 249.986.973đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng) nên ông Ph, bà L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền này.

[3.3]. Về nợ lãi trong hạn: Theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng có nội dung: Mức lãi suất cho vay cụ thể được ghi trên Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ.

- Tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20220044/05 ngày 08/12/2022 ghi lãi xuất cho vay là 10.95%/năm thời hạn vay 06 tháng. Từ khi nhận nợ, bị đơn đã trả nợ lãi từ ngày 21/12/2022 đến ngày 29/4/2023. Từ ngày 29/4/2023 đến ngày 8/6/2023 bị đơn chưa trả lãi và lãi suất điều chỉnh thành 13,6% từ ngày 29/4/2023 đến 8/6/2023.

Do đó, số tiền lãi trong hạn của hợp đồng này, tính ngày 29/4/2023 đến ngày 8/6/2023 là 500.000.000đồng x 40 ngày x 13,6%/365 ngày = 7.452.055đồng.

- Tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20230063/01 ngày 21/3/2023 ghi lãi xuất cho vay là 10.75%/năm thời hạn vay 06 tháng. Từ khi nhận nợ, bị đơn đã trả nợ lãi từ ngày 31/3/2023 đến ngày 31/5/2023. Từ ngày 31/5/2023 đến ngày 21/9/2023 bị đơn vẫn chưa trả lãi.

Do đó, số tiền lãi trong hạn của hợp đồng này, tính từ ngày 31/5/2023 đến ngày 20/6/2023 là 500.000.000đồng x 21 ngày x 10,75%/365 ngày = 3.092.466đồng. Từ ngày 21/6/2023 lãi suất điều chỉnh thành 13.4%/năm nên từ ngày 21/6/2023 đến ngày 30/6/2023 là 500.000.000 đồng x 13,4% x 9 ngày/365 ngày = 1.652.055đồng; tính từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/7/2023 là 500.000.000đồng x 31 ngày x 13,4%/365 ngày = 5.690.411đồng; tính từ ngày 01/8/2023 đến ngày 11/09/2023 là 500.000.000đồng x 42 ngày x 13,4%/365 ngày =7.709.589đồng. Ngày 11/9/2023 bị đơn có trả gốc 350.000.000đồng. Do đó, tiền gốc còn lại là 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Vì vậy, tiền lãi được tính từ 11/9/2023 đến 21/9/2023 là 150.000.000đồng x 13,4% x 10 ngày/365 ngày = 550.685đồng. Tổng cộng: 18.695.206đồng

Tổng số tiền lãi trong hạn của 02 Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là: 26.147.261đồng.

[3.4]. Về lãi suất quá hạn:

Tại các Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ghi lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Do đó, lãi suất quá hạn được tính như sau:

- Đối với Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20220044/05 ngày 08/12/2022, tính từ ngày 8/6/2023 đến 11/9/2023 là 500.000.000đồng x 95 ngày x 13,6% x 150%/365 ngày= 26.547.945 đồng; từ ngày 12/9/2023 đến ngày 8/5/2024 là 99.986.940đồng x 239 ngày x 13,6% x 150%/365 ngày = 39.904.009đồng (Ngày 11/9/2023, bị đơn có thanh toán 400.000.000đồng tiền gốc).

- Đối với Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20230063/01 ngày 21/3/2023, tính từ ngày 21/9/2023 đến ngày 08/5/2024 là 150.000.000đồng x 13,6% x 230 ngày x 150%/ 365 ngày = 18.998.630đồng

Do đó, số tiền lãi quá hạn của 02 giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là: 58.902.639đồng.

[3.5]. Về lãi suất nợ lãi chậm trả:

Tại các Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ghi: Lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, lãi suất nợ lãi chậm trả: được tính như sau:

- Đối với Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20220044/05 ngày 08/12/2022, tính từ ngày 08/6/2023 đến ngày 08/5/2024 là 7.452.055đồng x 335 ngày x 10%/365 ngày = 683.956đồng

- Đối với Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20230063/01 ngày 21/3/2023, tính từ ngày 30/6/2023 đến ngày 08/5/2024 là 4.744.521đồng x 313 ngày x 10%/365 ngày = 406.859đồng; tính từ ngày 31/7/2023 đến ngày 08/5/2024 là 5.690.411đồng x 281 ngày x 10% /365 ngày = 438.084đồng; tính từ ngày 21/9/2023 đến ngày 08/5/2024 là 8.260.274đồng x 229 ngày x 10% /365 ngày = 518.247đồng. Tổng cộng là 1.363.190đồng

Do đó, lãi suất nợ lãi chậm trả của 02 giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là: 2.047.146 đồng.

Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và lãi suất nợ lãi chậm trả của 02 hợp đồng là: 337.084.019đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu không trăm tám mươi bốn nghìn không trăm mười chín đồng).

Vì vậy, buộc ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Quảng Trị toàn bộ số tiền tính đến ngày 08/5/2024 là 337.084.019đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu không trăm tám mươi bốn nghìn không trăm mười chín đồng). Gồm nợ gốc: 249.986.973đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng), nợ lãi trong hạn 26.147.261đồng Hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm sáu mốt đồng); nợ lãi quá hạn đồng 58.902.639đồng (Năm mươi tám triệu chín trăm lẻ hai nghìn sáu trăm ba mươi chín); nợ lãi chậm trả 2.047.146đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng).

Trong đó:

- Theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20220044/05, ngày 08/12/2022 là: 148.026.993đồng. Gồm dư nợ gốc: 99.986.973đồng, nợ lãi trong hạn: 7.452.055đồng, nợ lãi quá hạn: 39.904.009đồng, nợ lãi chậm trả 683.956đồng.

- Theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20230063/01, ngày 21/3/2023 là: 189.057.026đồng. Gồm dư nợ gốc: 150.000.000đồng, nợ lãi trong hạn: 18.695.206đồng, nợ lãi quá hạn: 18.998.630đồng, nợ lãi chậm trả 1.363.190đồng.

[4]. Về xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 12 tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 370443 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 07/01/2022 chuyển nhượng ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L, số vào sổ cấp GCN: CS 00589.

Qua xem xét, thẩm tại chỗ tài sản thế chấp đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 12 tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, trên đất không có tài sản và không có ai tranh chấp. Mặt khác, hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, trường hợp ông Phương, bà Lân không trả được nợ thì tài sản sẽ bị xử lý để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[5]. Về án phí và lệ phí chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298, 299, 317, 318, 320, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Quảng Trị toàn bộ số tiền tính đến ngày 08/5/2024 là 337.084.019đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu không trăm tám mươi bốn nghìn không trăm mười chín đồng). Gồm nợ gốc:249.986.973đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng), nợ lãi trong hạn 26.147.261đồng Hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm sáu mốt đồng); nợ lãi quá hạn: 58.902.639đồng (Năm mươi tám triệu chín trăm lẻ hai nghìn sáu trăm ba mươi chín); nợ lãi chậm trả 2.047.146đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng).

Trong đó:

- Nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20220044/05, ngày 08/12/2022 là: 148.026.993đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm chín ba đồng). Gồm dư nợ gốc: 99.986.973đồng (Chín mươi chín triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm bảy ba đồng), nợ lãi trong hạn: 7.452.055đồng (Bảy triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm lăm đồng), nợ lãi quá hạn: 39.904.009đồng (Ba mươi chín triệu, chín trăm lẻ bốn nghìn, không trăm không chín đồng), nợ lãi chậm trả 683.956đồng (Sáu trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm năm sáu đồng).

- Nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20230063/01, ngày 21/3/2023 là: 189.057.026đồng (Một trăm tám mươi chín triệu, không trăm năm bảy nghìn, không trăm hai sáu đồng). Gồm dư nợ gốc: 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); nợ lãi trong hạn: 18.695.206đồng (Mười tám triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ sáu đồng); nợ lãi quá hạn: 18.998.630đồng; nợ lãi chậm trả 1.363.190đồng (Một triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm chín mươi đồng).

Trường hợp ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Quảng Trị có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được ký kết giữa các bên để thu hồi nợ, cụ thể: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 12 tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 370443 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 07/01/2022 chuyển nhượng ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L, số vào sổ cấp GCN: CS 00589.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Quảng Trị có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản khác của ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20220044/05 ngày 08/12/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 56D20230063/01 ngày 21/3/2023 cho đến khi ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L phải chịu 16.854.200đồng (Mười sáu triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm đồng đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Quảng Trị số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.813.000đồng (Bảy triệu tám trăm mười ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số BLTU/2023/0000056 ngày 23/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Trị.

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nhìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP B đã nộp đủ số tiền 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nhìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do đó, ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền này.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bán án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Quảng Trị;
- VKS, THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ vụ án;
- Lưu Tổ HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thanh Khánh